

Bản án số: 62/2023/DS-PT

Ngày 30-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thái

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Vũ Đức Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: 169 đường L, khu phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: 169 đường L, khu phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\*Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Hữu Đ trình bày:*

Trong năm 2020, vợ chồng ông đã nhiều lần cho ông Phan Văn B vay tiền, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/7/2020, vợ chồng ông cho ông B vay 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*). Việc vay tiền giữa các bên có lập “giấy mượn tiền” đề ngày 21/7/2020, ông Đ là người viết nội dung “giấy mượn tiền”, ông Phan Văn B là người ký và ghi họ tên “Phan Tiên B1” vào giấy. Không thỏa thuận lãi suất.

- Lần thứ hai: Vào ngày 12/9/2020, vợ chồng ông cho ông B1 vay 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Việc vay tiền giữa các bên không lập thành văn bản riêng mà viết thêm ở trang sau của tờ “giấy mượn tiền” được lập vào ngày 21/7/2020 ở phần “ghi chú”. Phần “ghi chú” này đề ngày 12/9/2020 do ông Đ là người viết nội dung, ông B1 là người ký và ghi họ tên “Phan Văn B” vào giấy. Không thỏa thuận lãi suất.

Sau nhiều lần ông yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B vẫn không chịu trả nên vợ chồng ông có lập “giấy khác nợ” đề ngày 06/11/2020 với số tiền là 735.000.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Bà Lê Thị H - vợ ông Đ là người viết nội dung và ghi họ tên “Phan Văn B”, ông B đồng ý và là người ký vào “giấy khác nợ” trên.

Ông cho ông Phan Văn B vay tiền không thỏa thuận lãi suất cũng không tính lãi. Khi vay tiền, ông B không cầm cố hay thế chấp cho ông bất cứ giấy tờ, tài sản gì. Lúc ông Phan Văn B đến mượn tiền thì ông trình bày là ông mượn tiền để trang trải cuộc sống. Gia đình ông và gia đình ông B có quen biết nhau nên vợ chồng ông đã cho ông B mượn tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Hữu Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn B chỉ phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 735.000.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*); ông Lê Hữu Đ không yêu cầu ông Phan Văn B trả tiền lãi theo như yêu cầu trước đó là tiền lãi suất tính từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/6/2022 là 209.475.000 đồng (*Hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và tiền lãi đến thời điểm vụ việc được giải quyết xong.

*\*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn B trình bày:*

Vào khoảng thời gian đầu năm 2020 ông có đánh số đề do ông Lê Hữu Đ làm chủ. Trong khoảng thời gian đó thì ông đã nợ vợ chồng ông Lê Hữu Đ số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), cụ thể như sau: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) là tiền ông Đ môi giới bán căn nhà

cho ông ở thành phố P, tỉnh Bình Thuận; 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) là tiền ông tự mượn để trả nợ cho riêng ông. Ngoài ra còn có tiền ông mua số đề do ông Đ làm chủ còn thiếu lại khoảng 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Toàn bộ số tiền ông vay của vợ chồng ông Đ là để chi tiêu cho riêng bản thân ông, không phục vụ gì cho gia đình. Việc mượn tiền vợ chồng ông Đ có lập “giấy mượn tiền” đề ngày 21/7/2020 do ông Lê Hữu Đ viết nội dung, ông là người ký và viết họ tên là “Phan Tiên B1”; phần “ghi chú” đề ngày 12/9/2020 do ông Đ là người viết nội dung, ông là người ký và ghi họ tên “Phan Văn B”. Sau đó, vợ chồng ông Lê Hữu Đ có lập một “giấy khắc nợ” và yêu cầu ông ký vào. “Giấy khắc nợ” là do bà Lê Thị H vợ ông Phan Hữu Đ1 lập và ghi sẵn họ tên Phan Văn B, ông chỉ ký vào không viết họ tên. Lúc mượn tiền thì đôi bên không thỏa thuận lãi suất và ông cũng không thể chấp hay cầm cố giấy tờ, tài sản gì. Ông chỉ thừa nhận số tiền mà ông mượn nợ của vợ chồng ông Đ1 là 120.000.000đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) là gồm tiền môi giới bán căn nhà của ông tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền ông mượn để trả nợ cho riêng ông 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); còn số tiền 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là tiền ông thua số đề do ông Đ1 làm chủ mà ông chưa chung chứ không phải tiền ông mượn của vợ chồng ông Đ1. Việc ghi số đề thực hiện bằng hình thức nhắn tin điện thoại, những tin nhắn đó hiện ông không còn lưu lại.

Ông không đồng ý trả số tiền 735.000.000đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*) cho ông Lê Hữu Đ vì ông cho rằng đây là số tiền gồm cả tiền ông ghi số đề và ông Đ đã cộng thêm tiền lãi 10% chứ không phải là số tiền thực tế mà ông đã nợ vợ chồng ông Đ. Ông chỉ đồng ý trả số tiền là 310.000.000đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*) là số tiền mà hai bên đã thỏa thuận trước đó tại cơ quan Công an huyện H.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:*

Trong năm 2020, vợ chồng bà có cho ông B mượn tiền cụ thể như trình bày của chồng bà ông Lê Hữu Đ. Số tiền mà ông Đ cho ông B mượn là số tiền chung của hai vợ chồng bà. Bà là người trực tiếp đưa tiền cho ông B. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Lê Hữu Đ và không có ý kiến gì khác.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ánh T trình bày:*

Bản thân bà không mượn tiền của vợ chồng ông Lê Hữu Đ. Khi chồng bà là ông Phan Văn B mượn tiền của vợ chồng ông Đ thì bà cũng không biết. Mãi đến ngày 22/10/2020 khi có một nhóm người xông vào nhà đòi nợ thì bà mới biết là chồng bà - ông Phan Văn B có nợ ông Lê Hữu Đ số tiền là 735.000.000đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Bà biết chồng bà có tánh bài bạc, số đề nên bà đã dặn ông Đ là không cho ông B - chồng bà mượn tiền nhưng ông Đ vẫn cho chồng bà mượn, số tiền mà chồng bà vay của vợ chồng ông Đ hoàn toàn phục vụ cho nhu cầu cá nhân, không hề đem về nhà lo cho gia đình. Sau đó, thì ông Đ có nộp đơn lên Công an huyện H yêu cầu vợ chồng bà

trả tiền thì bà có xuống nhà vợ chồng ông Đ để thỏa thuận lại số tiền phải trả là 310.000.000đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*). Lúc thỏa thuận lại số tiền phải trả tại nhà ông Đ thì đôi bên không lập văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó, hai bên đến Công an huyện H để ghi nhận ý kiến và vợ chồng bà hẹn ngày 30/6/2021 sẽ trả cho vợ chồng ông Đ. Hiện tại vợ chồng bà chưa trả được tiền cho vợ chồng ông Đ do chưa bán được đất và gia đình cũng đang rất khó khăn.

Bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Đ số tiền là 310.000.000đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*) như đã thỏa thuận tại Công an huyện H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam quyết định:*

**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 464, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Đ; buộc ông Phan Văn B phải trả cho ông Lê Hữu Đ và bà Lê Thị H số tiền vay còn nợ là 735.000.000đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 10/10/2022, bị đơn ông Phan Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn trình bày: Bị đơn chỉ vay mượn nguyên đơn 70 triệu đồng, nợ nguyên đơn phí môi giới bán đất 50 triệu đồng, tổng cộng bị đơn chỉ nợ nguyên đơn 120 triệu đồng. Số tiền 735.000.000đồng nguyên đơn đòi là bao gồm 10% tiền lãi và số tiền bị đơn nợ do chơi số đề do nguyên đơn làm chủ nên bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:
  - + Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lê Hữu Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B phải trả số tiền đã vay của vợ chồng ông là 735.000.000 đồng. Ông Đ có cung cấp “Giấy mượn tiền” ghi ngày 21/7/2020 với số tiền ông B vay là 560.000.000 đồng; trong “Giấy mượn tiền” này có thêm phần “ghi chú” số tiền ông B mượn thêm là 175.000.000 đồng, tổng cộng là 735.000.000 đồng ghi ngày 12/9/2020 và “Giấy khác nợ” số tiền 735.000.000 đồng của ông B ghi ngày 06/11/2020.

Bị đơn ông Phan Văn B thừa nhận ông là người ký và ghi rõ họ tên Phan Tiên B1 tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 21/7/2020 và họ tên Phan Văn B tại phần ghi chú của “Giấy mượn tiền” ghi ngày 21/7/2020 và ký tên tại “Giấy khác nợ” ngày 06/11/2020. Tuy nhiên, ông B cho rằng ông chỉ nợ vợ chồng ông Đ là 120.000.000 đồng gồm 70.000.000 đồng là tiền ông mượn của vợ chồng ông Đ và 50.000.000 đồng là tiền ông Đ môi giới bán căn nhà cho ông ở thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Việc ông Đ yêu cầu ông B trả số tiền 735.000.000 đồng là đã bao gồm cả tiền ông nợ tiền ghi số đề của ông Đ và ông Đ đã cộng thêm tiền lãi 10% chứ không phải là số tiền thực tế mà ông đã nợ vợ chồng ông Đ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày này của ông B thì ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh về vấn đề trên, liên quan đến việc khai nại của ông.

Theo đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, ông Đ yêu cầu vợ chồng ông B phải trả 735.000.000 đồng tiền gốc và 209.475.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền lãi, chỉ yêu cầu giải quyết phần nợ gốc.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn ông Lê Hữu Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B phải trả số tiền gốc 735.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ là có căn cứ.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu Đ, buộc bị đơn ông Phan Văn B phải trả cho vợ chồng ông Lê Hữu Đ và bà Lê Thị H số tiền 735.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ; yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B không có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số

tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006705 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bị đơn ông Phan Văn B đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam;

**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463, 464, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Đ.

Buộc ông Phan Văn B phải trả cho ông Lê Hữu Đ và bà Lê Thị H số tiền vay còn nợ là 735.000.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006705 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bị đơn ông Phan Văn B đã nộp đủ số tiền này.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/5/2023).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Thái**